TÀI LIỆU GIỚI THIỆU VỀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT, CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN VỀ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Biên soạn bởi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 16 Võ Văn Kiệt, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT TRÊN HOSE 1

1. Cổ phiếu: 1

1.1. Định nghĩa: 1

1.2. Các sự kiện doanh nghiệp chính tại một công ty cổ phần: 2

1.3. Thực hiện quyền cổ phiếu, cách xác định ngày đăng ký cuối cùng: 2

1.4. Nguồn thông tin liên quan đến tổ chức niêm yết: 3

2. Chứng chỉ quỹ: 4

2.1. Quỹ đóng (Closed-end Fund): 4

2.2. Quỹ hoán đổi danh mục (Exchange Traded Fund – ETF): 6

3. Chứng quyền có bảo đảm: 8

3.1 Chứng quyền có bảo đảm là gì? 8

3.2 Phân loại chứng quyền: 8

3.3 Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm: 9

3.4 Điều kiện để chọn chứng khoán cơ sở 10

3.5 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền: 11

3.6 Các quy định mà nhà đầu tư có thể tham khảo khi tìm hiểu về chứng quyền: 11

3.7 Một số thống kê về CW: 12

II. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN VỀ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 12

1. Hoạt động đăng ký niêm yết cổ phiếu 12

1.1. Giới thiệu về hoạt động đăng ký niêm yết cổ phiếu 12

1.2. Cơ sở pháp lý thực hiện 12

1.3. Điều kiện niêm yết cổ phiếu 13

1.4. Hồ sơ đăng ký niêm yết 14

1.5. Quy trình xem xét hồ sơ tại SGDCK 14

1.6. Vai trò của các bên trung gian 15

1.6.1. *Công ty chứng khoán – Tổ chức tư vấn niêm yết* 15

1.6.2. *Công ty kiểm toán – Đơn vị bảo chứng chất lượng báo cáo tài chính* 16

2. Quy định về công bố thông tin 16

2.1. Quy định chung về công bố thông tin 16

2.1.1. *Cơ sở pháp lý hiện hành:* 16

2.1.2. *Nguyên tắc công bố thông tin:* 17
2.1.3. *Ngôn ngữ công bố thông tin:* 18
2.1.4. *Tài liệu công bố thông tin* 18
2.2. Nội dung công bố thông tin cơ bản của tổ chức niêm yết tại HOSE 19
2.2.1. *Công bố thông tin liên quan đến tình hình tài chính của tổ chức niêm yết* 19
2.2.2. *Công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động, kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty đại chúng* 20
2.2.3. *Công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty* 21
2.2.4. *Công bố thông tin khác của tổ chức niêm yết* 21
2.3. Các hình thức xử lý vi phạm công bố thông tin của SGDCK 21
2.3.1. *Nhắc nhở bằng văn bản* 21
2.3.2. *Đưa vào diện chứng khoán bị cảnh báo* 21
2.3.3. *Đưa vào diện chứng khoán bị kiểm soát* 22
2.3.4. *Đưa vào diện chứng khoán bị hạn chế giao dịch* 22
2.3.5. *Đưa vào diện chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch* 22
2.3.6. *Đưa vào diện chứng khoán bị đình chỉ giao dịch* 23
2.3.7 *Cổ phiếu bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc* 23
III. TÌNH HÌNH NIÊM YẾT TRÊN HOSE 23

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT TRÊN HOSE

1. Cổ phiếu:

1.1. Định nghĩa:

Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành (khoản 2 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019). Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó (khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020).

Như vậy, cổ phiếu là một loại chứng khoán do tổ chức phát hành nhằm xác nhận quyền sở hữu đối với một hoặc một số cổ phần của tổ chức đó.

Theo khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

"*a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;*

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;

e) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi."

Theo khoản 1, 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2020, có 02 loại cổ phiếu:

- **Cổ phiếu phổ thông**: Người nắm giữ cổ phiếu này sẽ có quyền tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết, nhận cổ tức…(khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020).

- **Cổ phiếu ưu đãi:** Tùy vào loại hình ưu đãi mà người nắm giữ sẽ hoặc được hưởng một số đặc quyền hơn hoặc bị hạn chế một số quyền so với cổ đông phổ thông.

Có ba loại cổ phiếu ưu đãi phổ biến:

+ *Cổ phiếu ưu đãi cổ tức:* là cổ phiếu được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phiếu phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm, nhưng bị loại trừ quyền biểu quyết, dự họp đại hội cổ đông hay đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

+ *Cổ phiếu ưu đãi hoàn lại:* là cổ phiếu được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều lệ công ty. Nhưng người nắm cổ phiếu này cũng bị loại trừ quyền biểu quyết, dự họp đại hội cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

+ *Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết:* là cổ phiếu có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu ưu đãi biểu quyết có các quyền như cổ đông phổ thông bao gồm quyền biểu quyết, dự họp đại hội cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nhưng không được chuyển nhượng cổ phiếu đó cho người khác.

1.2. Các sự kiện doanh nghiệp chính tại một công ty cổ phần:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường và Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Đây là sự kiện quan trọng của mỗi doanh nghiệp, nơi để cổ đông tham gia biểu quyết thông qua các vấn đề quan trọng của công ty như kế hoạch sản xuất kinh doanh; nhân sự thuộc Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Phương án phân phối lợi nhuận;…

- Chi trả cổ tức (tiền mặt/cổ phiếu): Đây là nội dung cổ đông hoặc nhà đầu tư quan tâm khi đầu tư vào cổ phiếu và được thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

- Sáp nhập, hợp nhất hoặc chia tách công ty: Làm thay đổi cấu trúc sở hữu, quy mô và chiến lược hoạt động của doanh nghiệp.

- Mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ: Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình từ thị trường, thường nhằm giảm số lượng cổ phiếu lưu hành hoặc hỗ trợ giá cổ phiếu.

- Chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai.

1.3. Thực hiện quyền cổ phiếu, cách xác định ngày đăng ký cuối cùng:

Ngày chốt quyền cổ phiếu là thuật ngữ chỉ ngày đăng ký cuối cùng để xác định những cổ đông được hưởng các quyền liên quan đến cổ phiếu như nhận cổ tức, mua cổ phiếu phát hành thêm, quyền tham dự đại hội cổ đông…Hiểu đơn giản, nếu bạn sở hữu cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền, bạn sẽ được hưởng các quyền lợi đó; nếu mua sau, bạn sẽ không được hưởng.

Ngày chốt quyền (hay Ngày đăng ký cuối cùng): Là ngày mà Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán (VSDC) chốt danh sách các cổ đông sở hữu cổ phiếu để xác định những người được hưởng quyền lợi.

Ngày giao dịch không hưởng quyền: Là ngày giao dịch liền trước ngày đăng ký cuối cùng. Nếu mua cổ phiếu vào ngày này hoặc sau đó, bạn sẽ không được hưởng các quyền liên quan đến đợt chốt quyền đó.

Ví dụ: Công ty A thông báo chia cổ tức và ngày chốt quyền là 24/6/2026, thì ngày 23/6/2026 sẽ là ngày giao dịch không hưởng quyền. Nếu bạn mua cổ phiếu vào ngày 23/6 hoặc sau đó, bạn sẽ không được nhận cổ tức đợt này của Công ty A.

Tóm lại: "Chốt quyền cổ phiếu" là một khái niệm quan trọng trong đầu tư chứng khoán, giúp xác định ai được hưởng các quyền lợi liên quan đến cổ phiếu và khi nào thì các quyền đó có hiệu lực.

1.4. Nguồn thông tin liên quan đến tổ chức niêm yết:

Nhà đầu tư có thể theo dõi thông tin công bố của các tổ chức niêm yết tại các websites của Sở Giao dịch Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổ chức niêm yết, chuyên mục chứng khoán tại các tờ báo điện tử uy tín hoặc tại công ty chứng khoán nơi mở tài khoản chứng khoán.

STT	**NGUỒN**	**NỘI DUNG**
1	Website HOSE: www.hsx.vn	Tra cứu công bố thông tin của Tổ chức niêm yết và người nội bộ/người có liên quan; thành viên giao dịch, thành viên giao dịch đặc biệt, thành viên tạo lập thị trường; công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán có quản lý quỹ đại chúng niêm yết, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng Tra cứu công bố thông tin về giao dịch chứng khoán của HOSE Tra cứu thông tin về giám sát thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán phái sinh và thông tin về hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán Tra cứu các văn bản pháp luật
2	Website SSC: www.ssc.gov.vn	Tra cứu công bố thông tin của các công ty đại chúng Tra cứu xử lý vi phạm, phát hành, chào bán

		Tra cứu các văn bản pháp luật
3	Website VSDC: www.vsd.vn	Tra cứu thông tin về lịch chốt thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, trả cổ tức, phát hành… của Tổ chức niêm yết. Tra cứu các văn bản pháp luật
4	Website của Tổ chức niêm yết	Tra cứu các thông tin liên quan đến hoạt động của công ty

2. Chứng chỉ quỹ:

2.1. Quỹ đóng (Closed-end Fund):

2.1.1. *Định nghĩa:*

Theo khoản 40 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14: "*Quỹ đóng là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.*"

Như vậy, chứng chỉ quỹ đóng là một loại chứng khoán do Quỹ đầu tư phát hành ra công chúng để huy động vốn từ nhà đầu tư. Quỹ đầu tư phải được quản lý bởi Công ty quản lý quỹ và hoạt động của quỹ đầu tư được thực hiện thông qua Công ty quản lý quỹ.

2.1.2. *Đặc điểm chính:*

Từ định nghĩa quỹ đóng, có thể liệt kê các đặc điểm chính của chứng chỉ quỹ đóng theo quy định pháp luật Việt Nam như sau:

a) **Là quỹ đại chúng:** Điều này có nghĩa là quỹ đã thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng (cho một số lượng nhà đầu tư, không giới hạn).

b) **Chứng chỉ quỹ không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư:** Đây là đặc điểm cốt lõi và quan trọng nhất để phân biệt quỹ đóng với quỹ mở. Khi nhà đầu tư muốn rút vốn khỏi quỹ đóng, họ không thể bán lại chứng chỉ quỹ cho công ty quản lý quỹ. Thay vào đó, họ phải bán chứng chỉ quỹ đó cho một nhà đầu tư khác trên thị trường thứ cấp.

c) **Niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán: điểm d khoản 5 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14** (về điều kiện chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) quy định: "Chứng chỉ quỹ chào bán ra công chúng phải được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán, **trừ trường hợp chào bán chứng chỉ quỹ mở.**"

Điều này có nghĩa là chứng chỉ quỹ đóng **bắt buộc phải được niêm yết** trên Sở Giao dịch Chứng khoán (như HOSE) sau khi kết thúc đợt chào bán công chúng lần đầu. Đây là nơi các nhà đầu tư có thể mua bán chứng chỉ quỹ đóng trên thị trường thứ cấp.

d) **Số lượng chứng chỉ quỹ cố định:** Mặc dù không được quy định trực tiếp trong định nghĩa tại Luật Chứng khoán, nhưng từ việc "không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư" và việc niêm yết trên sàn, có thể hiểu rằng quỹ đóng chỉ phát hành chứng chỉ quỹ một lần duy nhất (hoặc tăng vốn thông qua đợt phát hành bổ sung) với số lượng cố định, không thay đổi linh hoạt theo nhu cầu mua/bán của nhà đầu tư như quỹ mở.

e) **Quỹ đóng thường có thời gian hoạt động xác định theo Điều lệ quỹ**, sau khi hết thời hạn này, quỹ sẽ tiến hành thanh lý tài sản và trả lại tiền cho nhà đầu tư.

2.1.3. *Cách thức hoạt động cơ bản*

Quỹ đóng huy động vốn từ nhà đầu tư và ủy thác cho công ty quản lý quỹ để đầu tư vào các tài sản như cổ phiếu, trái phiếu, bất động sản,... Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư sẽ được chia cho các nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ. Do số lượng chứng chỉ quỹ cố định, giá giao dịch trên thị trường thứ cấp sẽ phụ thuộc vào cung cầu và tâm lý nhà đầu tư, không nhất thiết phản ánh chính xác NAV của quỹ.

2.1.4. *Hiệu suất hoạt động của các Quỹ đóng trên HOSE đến ngày 30/09/2026:*

STT	Mã	NAV tại ngày thành lập (tỷ đồng)	NAV hiện tại/thời điểm hủy niêm yết (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng NAV (*) (%)	Ghi chú
1	FUCTVGF1	150	238,3	59%	Đã hủy niêm yết
2	FUCTVGF2	170	180,77	6%	Đã hủy niêm yết
3	FUCVREIT	50	55,44	11%	
4	FUCTVGF3	199	212,9	7%	Đã hủy niêm yết
5	FUCTVGF4	200,6	198,25	-1%	
6	FUCTVGF5	172,8	163,95	-0,05%	

*(*): Mức độ tăng trưởng tổng tài sản ròng của quỹ được tính theo công thức: (NAV cuối – NAV đầu) / NAV đầu * 100%*

2.2. Quỹ hoán đổi danh mục (Exchange Traded Fund – ETF):

2.2.1. *Định nghĩa:*

Theo khoản 42 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14: "*Quỹ hoán đổi danh mục là quỹ mở hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục được niêm yết và giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán niêm yết.*"

2.2.2. *Đặc điểm chính:*

Từ định nghĩa, có thể liệt kê các đặc điểm chính của chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục theo quy định pháp luật Việt Nam như sau:

a) **Là một loại hình quỹ mở:** Điều này có nghĩa là số lượng chứng chỉ quỹ không cố định và có thể thay đổi linh hoạt thông qua cơ chế tạo lập (phát hành thêm) và mua lại.

b) **Hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ:** Đây là cơ chế đặc trưng của ETF, khác với quỹ mở thông thường (thường phát hành/mua lại bằng tiền mặt). Các thành viên lập quỹ (Authorized Participants - APs) sẽ gom các chứng khoán thành phần của chỉ số (danh mục chứng khoán cơ cấu) để hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ ETF từ công ty quản lý quỹ, hoặc ngược lại. Cơ chế này giúp giữ cho giá ETF trên thị trường thứ cấp bám sát Giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ.

c) **Chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục được niêm yết và giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán niêm yết:** Đây là điểm khác biệt quan trọng nhất so với quỹ mở truyền thống. Chứng chỉ quỹ ETF có thể được mua bán liên tục trên Sở Giao dịch Chứng khoán trong giờ giao dịch, giống như cổ phiếu thông thường. Giá của ETF trên sàn (thứ cấp) sẽ biến động theo cung cầu thị trường.

2.2.3. *Cách thức hoạt động và lợi ích của ETF:*

Điểm đặc biệt của ETF là cơ chế phát hành và mua lại (Creation and Redemption) thông qua các thành viên lập quỹ (Authorized Participants - APs)

- **Cơ chế phát hành (Creation – Phát hành thêm chứng chỉ quỹ)**: Khi giá ETF trên thị trường thứ cấp cao hơn NAV/CCQ, APs nhận thấy cơ hội kiếm lời từ chênh lệch giá (arbitrage). APs sẽ mua các chứng khoán cơ sở của chỉ số tham chiếu theo đúng tỷ lệ được công bố, danh mục này được gọi là "danh mục chứng khoán cơ cấu"

và đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF từ công ty quản lý quỹ. Sau đó, họ sẽ bán các chứng chỉ quỹ ETF này trên thị trường, giúp gia tăng nguồn cung và đưa giá ETF về gần NAV.

- **Cơ chế mua lại (Redemption – Hủy bỏ chứng chỉ quỹ)**: Ngược lại, khi nhu cầu bán ETF tăng cao, giá ETF có thể thấp hơn NAV/CCQ. APs sẽ mua chứng chỉ quỹ ETF trên thị trường thứ cấp và đổi lại các tài sản cơ cấu từ công ty quản lý quỹ. Sau đó, họ sẽ bán các tài sản cơ cấu này trên thị trường, giúp giảm nguồn cung ETF và đưa giá ETF về gần NAV.

Cơ chế phát hành và mua lại (Creation and Redemption Mechanism) của Quỹ hoán đổi danh mục (ETF) là một trong những đặc điểm cốt lõi của quỹ ETF, giúp ETF hoạt động hiệu quả và đảm bảo:

- **Tính thanh khoản**: Nhà đầu tư có thể mua bán chứng chỉ quỹ ETF trên sàn giao dịch như cổ phiếu, đồng thời APs có thể tạo lập hoặc mua lại trực tiếp với quỹ khi cần, giúp tăng cường thanh khoản cho ETF.

- **Thu hẹp chênh lệch giữa giá giao dịch và NAV**: Cơ chế arbitrage của thành viên lập quỹ giúp giữ cho giá thị trường của ETF luôn bám sát NAV/CCQ, hạn chế sự chênh lệch giữa giá thị trường và giá trị thực của tài sản quỹ (premium/discount).

2.2.4. *Hướng dẫn cách giao dịch ETF:*

a) **Giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF (giao dịch sơ cấp):**

- Được quy định tại Điều 43 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025).

- Giao dịch trên thị trường sơ cấp là quá trình mua bán chứng chỉ quỹ trực tiếp với **Công ty Quản lý Quỹ (CTQLQ)** phát hành ETF. Thị trường này chủ yếu dành cho các tổ chức chuyên nghiệp, cụ thể là **Thành viên lập quỹ (Authorized Participants - APs)**.

- Giao dịch sơ cấp diễn ra thông qua cơ chế phát hành và mua lại (Creation and Redemption) đã trình bày ở mục 2.2.3.

Như vậy, giao dịch trên thị trường sơ cấp được thực hiện theo lô chứng chỉ quỹ (tối thiểu 01 lô, gồm 100.000 chứng chỉ quỹ ETF) và thông qua thành viên lập quỹ. Do quy mô giao dịch lớn, thị trường sơ cấp chủ yếu dành cho các tổ chức tài chính như ngân hàng, công ty chứng khoán; nhà đầu tư có nhu cầu hoán đổi danh mục thực hiện giao dịch thông qua thành viên lập quỹ.

b) **Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp):**

- Được quy định tại Điều 44 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025).
- Các bước cần thiết để giao dịch ETF trên thị trường thứ cấp tương tự như giao dịch cổ phiếu (mở tài khoản tại công ty chứng khoán, nạp tiền vào tài khoản và thực hiện lệnh,…).
- Giá chứng chỉ quỹ ETF trên thị trường thứ cấp được duy trì gần với giá trị tài sản ròng (NAV) trong suốt phiên giao dịch nhờ cơ chế phát hành và mua lại của thành viên lập quỹ đã trình bày ở trên. Nhà đầu tư mua, bán chứng chỉ quỹ ETF trên sàn tương tự giao dịch cổ phiếu và không cần trực tiếp tham gia giao dịch hoán đổi.

3. Chứng quyền có bảo đảm:

3.1 Chứng quyền có bảo đảm là gì?

Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở với tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm đó theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. *(theo định nghĩa tại Luật chứng khoán 2019)*

3.2 Phân loại chứng quyền:

Hiện nay, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 122/2025/TT-BTC, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên HOSE chỉ gồm chứng quyền mua, kiểu châu Âu (người sở hữu chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn). Các cách phân loại dưới đây giúp nhà đầu tư tham khảo về mặt lý thuyết:

Phân loại theo kỳ vọng thị trường chứng khoán tăng giá/giảm giá:

Chứng quyền mua	Được mua bởi nhà đầu tư khi họ kỳ vọng thị trường chứng khoán tăng Định nghĩa: là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số lượng chứng khoán cơ sở theo mức giá thực hiện hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền bán	Được mua bởi nhà đầu tư khi họ kỳ vọng thị trường chứng khoán giảm Định nghĩa: là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được quyền bán một số lượng chứng khoán cơ sở theo mức giá thực hiện hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở thấp hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Phân loại theo thời điểm thực hiện:

Chứng quyền kiểu châu Âu	là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
Chứng quyền kiểu Mỹ	là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện quyền trước hoặc tại ngày đáo hạn.

Phân loại theo trạng thái lãi/lỗ (đối với chứng quyền mua):

ITM (In-the-money warrants)	Trạng thái chứng quyền có lãi, giá thực hiện thấp hơn giá của tài sản cơ sở
ATM (At-the-money warrants)	Giá thực hiện bằng với giá tài sản cơ sở
OTM (Out-of-the-money warrants)	Trạng thái chứng quyền lỗ, giá thực hiện cao hơn giá của tài sản cơ sở

3.3 Điều kiện chào bán chứng quyền có bảo đảm:

- TCPH là công ty chứng khoán được cấp phép nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; có vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu tối thiểu 1.000 tỷ đồng theo báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; không đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động;
- Có quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua chủ trương chào bán chứng quyền có bảo đảm;
- Có quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền có bảo đảm;

- Có báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận với ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán, tổ chức phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ được nộp trong thời gian 60 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo tài chính của năm gần nhất có thể là báo cáo tài chính chưa kiểm toán, nhưng phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước liền kề đáp ứng quy định trên;
- Có tài sản bảo đảm thanh toán là một hoặc một số hoặc toàn bộ các tài sản sau: tiền, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi; hoặc được bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký. Tài sản bảo đảm phải được ký quỹ tại ngân hàng lưu ký với giá trị tài sản bảo đảm ban đầu tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền có bảo đảm dự kiến chào bán. Ngân hàng lưu ký không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán;
- Tổ chức phát hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm của đợt chào bán theo quy định tại Điều 8 Nghị định này;
- Tuân thủ nghĩa vụ thanh toán chứng quyền có bảo đảm, các sản phẩm tài chính khác đối với trường hợp đã từng chào bán chứng quyền có bảo đảm, sản phẩm tài chính khác.
- Cơ sở pháp lý: Điều 2020a Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP

3.4 Điều kiện để chọn chứng khoán cơ sở

Được cấp phép đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	
Là **thành viên của SGDCK**;	
Điều kiện tài chính	Không lỗ lũy kế Vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu >= **1000 tỷ đồng**
	Vốn khả dụng >= 220% trong 12 tháng gần nhất
	BCTC được công ty kiểm toán được chấp thuận không có ngoại trừ
Tình trạng hoạt động	Không bị đặt trong tình trạng cảnh báo, tạm ngừng hoạt động, đình chỉ hoạt động hoặc trong quá trình hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản
Nhân sự	Có tối thiểu **02 nhân viên** hành nghề làm việc tại **bộ phận quản trị rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền** đã có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh, có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc có một trong các chứng chỉ quốc tế.

Là chứng khoán thuộc danh sách chứng khoán đáp ứng điều kiện làm chứng khoán cơ sở của chứng quyền và hạn mức còn được phép chào bán do SGDCK công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

3.5 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền:

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh giá thực hiện, tỷ lệ chuyển đổi và các nội dung khác của chứng quyền trong các trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh và các trường hợp khác theo hướng dẫn tại quy chế của Sở giao dịch chứng khoán

Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi khi điều chỉnh chứng quyền như sau (khoản 3 Điều 36 Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026) :

a) Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

b) Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)

c) Nguyên tắc làm tròn: Giá thực hiện mới sau điều chỉnh được làm tròn đến hàng đơn vị, tỷ lệ chuyển đổi mới sau điều chỉnh được làm tròn đến 4 chữ số thập phân sau dấu phẩy.

3.6 Các quy định mà nhà đầu tư có thể tham khảo khi tìm hiểu về chứng quyền:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm;

- Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết.

3.7 Một số thống kê về CW:

- Số lượng Số lượng các công ty chứng khoán tham gia chào bán tăng dần qua các năm, từ 7 tổ chức phát hành năm 2019 với 10 mã CW lên niêm yết ngày đầu tiên đến nay đã có 16 tổ chức phát hành; Tính đến hết tháng 10/2026, đã có 2.080 mã CW đã được phát hành và được đưa vào niêm yết, giao dịch.
- Tỷ trọng khối lượng giao dịch CW so với khối lượng giao dịch toàn thị trường HOSE có sự gia tăng từ 0,8% năm 2019 lên 6,3% năm 2024 cho thấy nhà đầu tư dần quan tâm và gia tăng đầu tư vào chứng quyền, thể hiện xu hướng tăng trưởng, khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của CW trong cấu trúc sản phẩm đầu tư cũng như sản phẩm chứng khoán tại HOSE nói riêng và thị trường chứng khoán nói chung. *(Số liệu sử dụng được lấy tại thời điểm 30/9/2025)*

II. CÁC QUY ĐỊNH CƠ BẢN VỀ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

1. Hoạt động đăng ký niêm yết cổ phiếu

1.1. Giới thiệu về hoạt động đăng ký niêm yết cổ phiếu

Hoạt động đăng ký niêm yết cổ phiếu là quá trình Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (SGDCK) thực hiện rà soát và xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu đảm bảo rằng doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện về tài chính và quản trị theo quy định trước khi chứng khoán được niêm yết trên SGDCK và cung cấp thông tin minh bạch theo chuẩn các công ty niêm yết cho nhà đầu tư.

1.2. Cơ sở pháp lý thực hiện

- Luật Chứng khoán: số 54/2019/QH14 (ngày 26/11/2019) được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (ngày 29/11/2024) là văn bản pháp lý nền tảng điều chỉnh toàn bộ hoạt động đăng ký niêm yết chứng khoán, trách nhiệm pháp lý của các bên tham gia trong hồ sơ đăng ký niêm yết

- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết.

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

1.3. Điều kiện niêm yết cổ phiếu

STT	**Tiêu chí**	**Cụ thể**
1	Các trường hợp	- Giao dịch ở Upcom tối thiểu 2 năm - Chào bán cổ phiếu ra công chúng - Đăng ký niêm yết đồng thời với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (Điều 111a Nghị định 155/2020/NĐ-CP được bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP)
2	Vốn điều lệ	Là công ty cổ phần, có vốn điều lệ đã góp ≥ 30 tỷ đồng
3	Kết quả kinh doanh	Lãi 2 năm liên tiếp; không lỗ lũy kế; không có nợ phải trả quá hạn trên 1 năm; ROE ≥ 5 %
4	Cơ cấu cổ đông	Tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ; tối thiểu 10% nếu vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên
5	Cam kết giữ cổ phần	Thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban Kiểm soát, cổ đông lớn (là người có liên quan) giữ 100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán; 50% trong 6 tháng tiếp theo
6	Tình hình vi phạm	Công ty, người đại diện theo pháp luật không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán

STT	Tiêu chí	Cụ thể
		và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán

Căn cứ: Điều 109, Điều 111a Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

1.4. Hồ sơ đăng ký niêm yết

Một bộ hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu thường bao gồm:

- Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu
- Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2 năm gần nhất
- Bản cáo bạch: Giới thiệu chi tiết về hoạt động kinh doanh, cơ cấu cổ đông, rủi ro, định hướng phát triển…
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết
- Tài liệu chứng minh điều kiện niêm yết (sổ cổ đông, cam kết nắm giữ cổ phiếu, hợp đồng tư vấn niêm yết, Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do VSDC cấp…)

1.5. Quy trình xem xét hồ sơ tại SGDCK

- Tiếp nhận hồ sơ: Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Công ty chứng khoán tư vấn niêm yết.
- Xem xét hồ sơ: Phòng Quản lý Niêm yết (QLNY) là đơn vị của SGDCK thực hiện tiếp nhận và xem xét toàn bộ hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Phòng QLNY có công văn gửi tổ chức đăng ký niêm yết nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký niêm yết. Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong vòng 60 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ, hồ sơ đăng ký niêm yết sẽ bị dừng xem xét. Trường hợp hồ sơ có nội dung vướng mắc, Phòng QLNY sẽ xin ý kiến hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền (UB.CKNN/Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam). Sau khi nhận tất cả giải trình của doanh nghiệp, nếu không còn yêu cầu bổ sung thêm thông tin, Phòng QLNY sẽ thực hiện báo cáo đánh giá và trình Hội đồng niêm yết.
- Trình Hội đồng niêm yết: Sau khi đạt yêu cầu, hồ sơ được đưa ra Hội đồng niêm yết xem xét và đánh giá lại. Hội đồng niêm yết tiếp tục đưa ra yêu cầu bổ sung một số thông tin, không chấp thuận hồ sơ nếu không đạt hoặc chấp thuận hồ sơ đã đáp ứng mọi điều kiện.

- Ra quyết định niêm yết chính thức: Căn cứ kết luận của Hội đồng niêm yết sẽ là cơ sở cho Tổng Giám đốc SGDCK xem xét ra Quyết định niêm yết chứng khoán. Chứng khoán sẽ được đưa lên giao dịch sau khi thực hiện công bố thông tin theo quy định. Theo Nghị định 245/2025/NĐ-CP, chứng khoán phải được đưa vào giao dịch trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày SGDCK chấp thuận niêm yết (trước đây là 90 ngày).

1.6. Vai trò của các bên trung gian

Để một chứng khoán đăng ký niêm yết thành công trên SGDCK không thể thiếu vai trò của Công ty chứng khoán (tổ chức tư vấn niêm yết) và Công ty kiểm toán trong quá trình chuẩn bị và nộp hồ sơ. Công ty chứng khoán sẽ thực hiện rà soát các quy định pháp lý trước, trong quá trình nộp hồ sơ và công tác truyền thông sau khi được chấp thuận niêm yết. Công ty kiểm toán giúp công ty minh bạch về các số liệu tài chính.

1.6.1. *Công ty chứng khoán – Tổ chức tư vấn niêm yết*

Công ty chứng khoán với vai trò tổ chức tư vấn niêm yết sẽ cùng doanh nghiệp thực hiện các bước chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký niêm yết. Vai trò cụ thể:

- Tư vấn chiến lược và lộ trình niêm yết:
  - Đánh giá khả năng đáp ứng điều kiện niêm yết của doanh nghiệp (tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, quản trị công ty, hoạt động của ban điều hành).
  - Hướng dẫn cơ cấu lại vốn, tài chính hoặc mô hình quản trị nếu cần.
  - Lộ trình đăng ký niêm yết.
- Chuẩn bị và rà soát hồ sơ:
  - Soạn thảo và kiểm tra tính hợp lệ của bản cáo bạch, tài liệu pháp lý, điều lệ, các quy chế về quản trị công ty…
  - Rà soát và phối hợp với công ty niêm yết để đảm bảo thông tin công bố minh bạch, đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.
- Làm đầu mối liên lạc với SGDCK:
  - Nộp hồ sơ niêm yết thay mặt doanh nghiệp.
  - Trao đổi, phản hồi các yêu cầu chỉnh sửa từ SGDCK trong quá trình đăng ký niêm yết.
- Hỗ trợ truyền thông & quan hệ nhà đầu tư (IR):
  - Tư vấn chiến lược công bố thông tin ra công chúng.

- Chuẩn bị cho hoạt động roadshow, giới thiệu doanh nghiệp tới nhà đầu tư.

1.6.2. *Công ty kiểm toán – Đơn vị bảo chứng chất lượng báo cáo tài chính*

Công ty kiểm toán là tổ chức có vai trò kiểm tra tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính trong hồ sơ đăng ký niêm yết. Chất lượng kiểm toán là yếu tố then chốt rất được nhiều bên quan tâm từ cơ quan quản lý đến các nhà đầu tư. Các công ty kiểm toán phải nằm trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho công ty đại chúng. Vai trò cụ thể:

- Kiểm toán báo cáo tài chính: Đảm bảo số liệu tài chính phản ánh đúng tình hình thực tế, không có sai sót trọng yếu.
- Đưa ra ý kiến kiểm toán: "Ý kiến chấp nhận toàn phần" là yêu cầu bắt buộc để được niêm yết .
- Kiểm toán báo cáo hợp nhất (nếu có): Trong trường hợp doanh nghiệp có công ty con, báo cáo tài chính hợp nhất cũng phải được kiểm toán
- Soát xét các báo cáo tài chính quý/gần nhất: Tùy thời điểm nộp hồ sơ, công ty kiểm toán có thể phải soát xét báo cáo tài chính bán niên hoặc quý gần nhất.

2. Quy định về công bố thông tin

Công bố thông tin (CBTT) là một trong những nghĩa vụ quan trọng nhằm đảm bảo tính minh bạch và công bằng của thị trường chứng khoán, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư. Các quy định về CBTT đang ngày càng được hoàn thiện, hướng đến nâng cao chất lượng quản trị công ty, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam.

2.1. Quy định chung về công bố thông tin

2.1.1. *Cơ sở pháp lý hiện hành:*

Các quy định về CBTT tại HOSE hiện nay được xây dựng trên nền tảng pháp lý thống nhất, gồm các văn bản sau:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Quy chế CBTT tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 (Quy chế CBTT 21) được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 31/QĐ-HĐTV ngày 31/03/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế CBTT 21.

2.1.2. *Nguyên tắc công bố thông tin:*

- Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

- Về phương tiện CBTT, theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC, tổ chức niêm yết thực hiện CBTT qua các phương tiện: website, hệ thống CBTT của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các phương tiện khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,…).

- Tổ chức niêm yết phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, tổ chức niêm yết phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó và gửi công văn kèm theo thông tin đính chính đến UBCKNN, HOSE. HOSE chỉ là nơi để các đối tượng thực hiện CBTT theo pháp luật chứng khoán.

- Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm cho cổ đông và công chúng đầu tư. HOSE từ chối tiếp nhận thông tin công bố và không CBTT trên website của HOSE đối với các thông tin công bố sai mẫu, không rõ ràng, hoặc nếu phát hiện là thông tin thiếu chính xác, giả mạo, thông tin không liên quan tới hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc thông tin không thuộc phạm vi phải thực hiện CBTT theo quy định của pháp luật chứng khoán.

- Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

- Thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên website của tổ chức niêm yết tối thiểu là 05 năm.

2.1.3. *Ngôn ngữ công bố thông tin:*

- Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Tổ chức niêm yết thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo theo lộ trình được quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 96/2020/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng.

- Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình như sau:

a) Tổ chức niêm yết quy mô lớn CBTT định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025;

b) Tổ chức niêm yết quy mô lớn CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT về các hoạt động khác đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2026;

c) Tổ chức niêm yết không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b nêu trên CBTT định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2027;

d) Tổ chức niêm yết không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản này CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT về các hoạt động khác đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2028.

2.1.4. *Tài liệu công bố thông tin*

- Tài liệu dưới hình thức văn bản giấy phải đầy đủ nội dung và hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ cụ thể như sau:

+ Đối với văn bản giấy của cá nhân: Văn bản có họ tên, chữ ký của cá nhân;

+ Đối với văn bản giấy của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu.

- Tài liệu dưới hình thức văn bản, dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode).

2.2. Nội dung công bố thông tin cơ bản của tổ chức niêm yết tại HOSE

2.2.1. Công bố thông tin liên quan đến tình hình tài chính của tổ chức niêm yết

Thông tin tài chính của tổ chức niêm yết, đặc biệt là báo cáo tài chính đã được kiểm toán là nguồn thông tin phản ánh tình hình tài chính và hiệu quả kinh tế của công ty. Thông thường khi tổ chức niêm yết công bố kết quả tài chính tốt đồng nghĩa cổ đông sẽ được chi trả cổ tức cao hơn và giá trị cổ phiếu của công ty cũng sẽ tăng lên tương ứng. Do đó "mùa báo cáo tài chính" hàng năm thường là giai đoạn giá chứng khoán có biến động lớn. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC, các công ty niêm yết cổ phiếu ngoài có nghĩa vụ CBTT BCTC năm đã được kiểm toán, phải CBTT BCTC bán niên đã được soát xét và BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có).

- *Công bố thông tin định kỳ BCTC năm, BCTC bán niên, BCTC quý:*

+ Thời hạn CBTT BCTC năm được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC: *"Công ty đại chúng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính".* Thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính nhằm đảm bảo cho tổ chức niêm yết hoàn thành lập và kiểm toán BCTC năm, đặc biệt khi thủ tục kiểm toán mang tính phức tạp và mất nhiều thời gian.

+ Thời hạn CBTT BCTC bán niên được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC: *"Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.*
Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính". Quy định về thời hạn BCTC bán niên đã được soát xét nhằm đảm bảo tính kịp thời của các thông tin tài chính, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
+ Thời hạn CBTT BCTC quý được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC:*"Tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Tổ*

chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.
Trường hợp tổ chức niêm yết cổ phiếu, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý". BCTC quý giúp nhà đầu tư có được thông tin tài chính của công ty trong từng quý, từ đó có những quyết định đầu tư nhanh chóng và hiệu quả.

- *Công bố thông tin bất thường liên quan đến BCTC:* Tổ chức niêm yết có nghĩa vụ CBTT 24 giờ đối với một số thông tin liên quan đến BCTC như: tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần; thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký…

2.2.2. *Công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động, kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty đại chúng*

- *Công bố thông tin định kỳ Báo cáo thường niên:* Báo cáo thường niên là một trong những tài liệu công bố thông tin định kỳ quan trọng của tổ chức niêm yết, phản ánh toàn diện tình hình hoạt động, tài chính, quản trị và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong năm tài chính. Thời hạn công bố Báo cáo thường niên được quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC (trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính). Nhằm tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị công ty và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, mẫu báo cáo thường niên chuẩn (Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư 96) có tích hợp nội dung phát triển bền vững, trong đó, doanh nghiệp cần trình bày các nội dung về môi trường (Environmental), xã hội (Social) và quản trị doanh nghiệp (Governance) – ESG. Việc tích hợp ESG vào Báo cáo thường niên không chỉ giúp doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm giải trình với cổ đông và xã hội, mà còn hỗ trợ nâng cao xếp hạng tín nhiệm quản trị công ty, là yếu tố ngày càng quan trọng trong quá trình huy động vốn và tiếp cận nhà đầu tư tổ chức.

- *Công bố thông tin bất thường liên quan đến tình hình hoạt động, kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty đại chúng:* Theo khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC, tổ chức niêm yết phải CBTT bất thường liên quan đến tình hình hoạt động, kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty như: quyết định tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức...Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 120 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 1 Điều 11, Điều 15 Thông tư 96/2020/TT-BTC có thể thấy pháp luật Việt Nam quy định khá đầy đủ các trường hợp

cần phải CBTT liên quan đến tình hình hoạt động, kết quả sản xuất, kinh doanh của tổ chức niêm yết.

2.2.3. *Công bố thông tin liên quan đến quản trị công ty*

Quản trị công ty đại chúng là một bộ các chính sách, thiết chế và luật lệ nhằm định hướng, vận hành và quản lý công ty đại chúng. Quản trị công ty không chỉ bao gồm các mối quan hệ nội bộ mà còn những mối liên hệ với các bên liên quan bên ngoài công ty. Theo quy định pháp luật tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 120 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 1 Điều 11 và Điều 15 Thông tư 96/2020/TT-BTC, công ty đại chúng có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ, bất thường liên quan đến tình hình quản trị cho cổ đông và công chúng tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông và trong Báo cáo thường niên. Các thông tin liên quan đến quản trị công ty cần được công bố như các thông tin liên quan đến người nội bộ, giao dịch với người liên quan, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,…

2.2.4. *Công bố thông tin khác của tổ chức niêm yết*

Ngoài những nội dung trên, tổ chức niêm yết còn cần công bố các thông tin khác như nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hoặc CBTT theo yêu cầu của SGDCK, UBCKNN khi có sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư hoặc thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó...

2.3. Các hình thức xử lý vi phạm công bố thông tin của SGDCK

2.3.1. *Nhắc nhở bằng văn bản*

- Đối với trường hợp: Tổ chức chậm công bố thông tin các nội dung được quy định tại Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

- Hình thức xử lý: SGDCK gửi văn bản nhắc nhở, đồng thời công bố công khai trên hệ thống thông tin điện tử của Sở.

2.3.2. *Đưa vào diện chứng khoán bị cảnh báo*

- Đối với trường hợp:

+ Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét quá 15 ngày so với thời hạn quy định.

+ Tổ chức niêm yết vi phạm quy định công bố thông tin từ 04 lần trở lên trong vòng 01 năm (tính theo năm dương lịch).

- Hình thức xử lý: SGDCK ban hành Quyết định, Thông báo về việc đưa chứng khoán vào diện cảnh báo.

- Cơ sở pháp lý: khoản 1 Điều 40 Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026.

2.3.3. *Đưa vào diện chứng khoán bị kiểm soát*

- Đối với trường hợp:

+ Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét quá 30 ngày so với thời hạn quy định.

+ Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong 02 năm liên tiếp.

+ Tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi SGDCK đưa cổ phiếu vào diện cảnh báo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 40 Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết.

- Hình thức xử lý: SGDCK ban hành Quyết định, Thông báo về việc đưa chứng khoán vào diện kiểm soát.

- Cơ sở pháp lý: khoản 1 Điều 41 Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026.

2.3.4. *Đưa vào diện chứng khoán bị hạn chế giao dịch*

- Đối với trường hợp:

+ Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét quá 45 ngày so với thời hạn quy định.

+ Tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi SGDCK đưa chứng khoán vào diện kiểm soát theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 41 Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết.

- Hình thức xử lý: SGDCK ban hành Quyết định, Thông báo về việc đưa chứng khoán vào diện hạn chế giao dịch.

- Cơ sở pháp lý: khoản 1 Điều 42 Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026.

2.3.5. *Đưa vào diện chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch*

- Đối với trường hợp: Tổ chức niêm yết không thực hiện giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng chứng khoán bị đưa vào diện cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch trong thời hạn theo yêu cầu của SGDCK.

- Hình thức xử lý: SGDCK ban hành Quyết định, Thông báo về việc đưa chứng khoán vào diện tạm ngừng giao dịch.

- Cơ sở pháp lý: khoản 1 Điều 43 Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026.

2.3.6. *Đưa vào diện chứng khoán bị đình chỉ giao dịch*

- Đối với trường hợp:

+ Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính năm có kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên có soát xét quá 06 tháng so với thời hạn quy định.

+ Tổ chức niêm yết không đưa ra biện pháp khắc phục nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch theo yêu cầu của SGDCK.

+ Tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện hạn chế giao dịch.

- Hình thức xử lý: SGDCK ban hành Quyết định, Thông báo về việc đưa chứng khoán vào diện đình chỉ giao dịch.

- Cơ sở pháp lý: khoản 1 Điều 44 Quy chế niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 16/03/2026.

2.3.7 *Cổ phiếu bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc*

- Đối với trường hợp: Tổ chức niêm yết vi phạm chậm nộp báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong 03 năm liên tiếp hoặc kết thúc năm tài chính mà tổ chức niêm yết không thực hiện nghĩa vụ báo cáo đối với báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính liền trước

- Hình thức xử lý: SGDCK ban hành Quyết định, Thông báo về việc hủy bỏ niêm yết.

- Cơ sở pháp lý: điểm i khoản 1 Điều 120 Nghị định 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 47 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

III. TÌNH HÌNH NIÊM YẾT TRÊN HOSE

Tính đến ngày **30/09/2026,** HOSE có **761** mã chứng khoán đang niêm yết và giao dịch, gồm 405 mã cổ phiếu, 03 mã chứng chỉ quỹ đóng, 21 mã chứng chỉ quỹ ETF và 332 mã chứng quyền có bảo đảm với tổng khối lượng chứng khoán niêm yết đạt hơn **235,11 tỷ** chứng khoán và tổng giá trị chứng khoán niêm yết đạt 2,33 triệu tỷ đồng. Giá trị vốn hóa cổ phiếu trên HOSE đạt 8,55 triệu tỷ đồng và tương đương 66,52% GDP năm 2025, chiếm gần 95% tổng giá trị vốn hóa cổ phiếu niêm yết toàn thị trường. Tính đến ngày **30/9/2026,** trên HOSE có 53 doanh nghiệp có vốn hóa hơn 1 tỷ USD, trong đó có 04 doanh nghiệp có vốn hóa trên 10 tỷ USD là Tập đoàn Vingroup (VIC), Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương

Việt Nam (VCB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID).

Các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE rất đa dạng về ngành nghề và quy mô, tập trung các công ty lớn, đầu ngành với hoạt động kinh doanh ổn định. Hiện tại HOSE phân ngành theo chuẩn GICS với **11 nhóm ngành**. Đến 30/09/2026, có 04 ngành có tỷ trọng cao nhất là **Tài chính, Bất động sản, Hàng tiêu dùng thiết yếu và Công nghiệp,** chiếm hơn 74% giá trị vốn hóa toàn thị trường. Trong đó, ngành tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất tới 40% tổng giá trị vốn hóa gồm các ngân hàng lớn đang niêm yết trên HOSE trong đó có 2 ngân hàng với vốn hóa trên 10 tỷ USD (VCB, và BID). Gần 50% các công ty niêm yết trên HOSE là doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa. Đáng chú ý, 43/100 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2025 (theo thống kê của VNR) và 24/30 doanh nghiệp tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2024 hiện đang niêm yết trên HOSE.